

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 17-8-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HN, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thị Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Bảo TR, sinh năm 1999. Địa chỉ: Khóm A P, phường An B A, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Võ Chí B, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp 2, xã TP 1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:*

1/ Anh Đặng Trung H, sinh ngày 19/10/2000. Địa chỉ: Khóm AP, phường AB A, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

2/ Bà Trần Thị G, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp 2, xã TP 1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2021, trong quá trình giải

quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đặng Thị Bảo TR trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B cưới nhau năm 2020. Hôn nhân do tự tìm hiểu được 01 năm thì làm đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới thì vợ chồng về nhà chị sinh sống có tới lui nhà chồng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh B có tình cảm với người phụ nữ khác, có chụp hình chung đăng lên mạng xã hội. Anh B còn trộm vàng của gia đình chị, gia đình chị có báo cho ba mẹ anh B biết. Từ đó anh B về nhà ba mẹ anh B sống, vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Từ lúc vợ chồng không còn sống chung, chị và anh B không có gặp nhau hàn gắn, có điện thoại qua lại nhưng anh B không về thăm con, cũng không năn nỉ chị. Ba mẹ hai bên có gặp nhau khuyên can vợ chồng hàn gắn nhưng không thành. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Chí B vì tình cảm không còn.

Về việc nuôi con: Có một con chung tên Võ Gia B, sinh ngày 17/10/2021, chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi theo quy định pháp luật.

Về chia tài sản chung: Có 35 chỉ vàng 24 kra 10 tuổi vàng cưới do ba mẹ hai bên cho, anh B đã quản lý hết. Chị TR yêu cầu anh B chia đôi số vàng cưới và yêu cầu anh B trả lại 18 chỉ vàng 18 kra mà anh B đã mượn riêng của chị.

Về nợ chung: Có nợ của em ruột chị là Đặng Trung H số tiền 20.000.000 đồng, chị chưa yêu cầu anh B cùng trả, anh H chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này, sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Người làm chứng anh Đặng Trung H trình bày: Anh có cho chị Đặng Thị Bảo TR và anh Võ Chí B mượn số tiền 20.000.000 đồng. Nay chị TR khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B, anh chưa khởi kiện yêu cầu chị TR, anh B cùng trả số tiền mượn trong vụ án này. Khi nào có yêu cầu anh sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Người làm chứng bà Trần Thị G trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Võ Chí B, mẹ chồng của chị Đặng Thị Bảo TR. Anh B và chị TR kết hôn năm 2020, hôn nhân tự tìm hiểu. Sau khi cưới chị TR về nhà chị TR ở, anh B thì đi làm tới lui bên vợ, chứ không ở chung nhà với bà. Bà không biết giữa chị TR và anh B có mâu thuẫn gì, bà có nghe anh B kể lại là chị TR có nộp đơn yêu cầu ly hôn. Khi cưới dâu, bà có cho vợ chồng anh B, chị TR 01 lượng vàng 24 kra, bên nhà chị TR cho 2,5 lượng vàng 24 kra, vợ chồng anh B, chị TR giữ. Chị TR có tài sản riêng gì không thì bà không biết, chị TR, anh B có nợ ai không bà cũng không biết. Cách đây khoảng 04 tháng anh B bị tai nạn chấn thương chân, hiện nay chưa đi làm. Nay chị TR yêu cầu ly hôn với anh B, bà không có ý kiến. Bà G đã nghe đọc lại biên bản lấy lời khai thống nhất đúng lời khai của bà, nhưng không thống nhất ký tên vì việc ly hôn là do con bà quyết định.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây

viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị B TR. Về việc nuôi con: Giao cháu Võ Gia B, sinh ngày 17/10/2021 cho chị TR tiếp tục nuôi dưỡng, anh B phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Bị đơn anh Võ Chí B đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[3] Người làm chứng bà Trần Thị G đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không có lý do, đã có lời khai với Tòa án. Việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện của vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của BLTTDS.

[4] Tại phiên tòa chị Đặng Thị Bảo TR thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của chị TR là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 của BLTTDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị Bảo TR và anh Võ Chí B là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T P 1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Xét yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Bảo TR là có căn cứ, vì: Anh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không đến và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị TR, không thể hiện thiện chí muốn hàn gắn tình cảm. Người lớn hai bên có gặp nhau hàn gắn cho anh chị nhưng không được. Chị TR, anh B đã không còn sống chung từ đầu năm 2021 cho đến nay, không gặp nhau để hàn gắn. Trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng hiện nay chị TR, anh B đã không còn sống chung, không còn liên hệ gì với nhau cho thấy tình cảm của của anh chị đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Bảo TR với anh Võ Chí B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] **Về việc nuôi con:** Có một con chung tên Võ Gia B, sinh ngày 17/10/2021, hiện đang sống chung với chị TR, chị TR yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Gia B chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ trong việc ăn uống, sinh hoạt. Từ khi chị TR và anh B không còn sống chung, cháu B sống ổn định cùng chị TR và được chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo về mọi mặt. Do đó, để không làm thay đổi môi trường sống, không làm ảnh hưởng đến tâm lý cháu B, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu B cho chị TR tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[8] **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị TR yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung Gia B theo quy định của pháp luật là có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định “cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của con được cấp dưỡng. Nếu không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết”. Như vậy, anh B là người không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[9] **Về nợ chung:** Chị TR trình bày có nợ anh Đặng Trung H số tiền 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh H chưa yêu cầu chị TR, anh B trả nợ, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[10] Anh B chưa có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[11] Xét, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[12] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn Đặng Thị Bảo TR chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.848.000 đồng theo lai thu số 0003798 ngày 10/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN. Trả lại cho chị Đặng Thị Bảo TR 3.548.000 đồng. Anh Võ Chí B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Điều 244, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh chị Đặng Thị Bảo TR. Cho chị Đặng Thị Bảo TR ly hôn với anh Võ Chí B.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Võ Gia B, sinh ngày 17/10/2021 cho chị Đặng Thị Bảo TR được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Đặng Thị Bảo TR. Buộc anh Võ Chí B cấp dưỡng nuôi con chung Võ Gia B, sinh ngày 17/10/2021, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng nửa tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi con chung Võ Gia B đủ 18 tuổi.

4. Về nghĩa vụ thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Chị Đặng Thị B TR chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.848.000 đồng theo lai thu số 0003798 ngày 10/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN. Trả lại cho chị Đặng Thị B TR 3.548.000 đồng (Ba triệu, năm trăm bốn tám nghìn đồng).

5.2. Anh Võ Chí B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17 tháng 8 năm 2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thị Trang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Tấn Dũng – Lê Kim Tuyền**

**Nguyễn Thị Thì B**

